

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **20/2025/DS – ST**

Ngày 22/4/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Dũng**

2. Bà **Lữ Kim Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Sỹ Khánh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhật Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2024/TLST- DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST- DS ngày 20/3/2025, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2025/QĐST- DS ngày 09/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn N**, sinh năm 1975

Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo uỷ quyền: bà **Hoàng Thị Thanh H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: khu phố S, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Trịnh Văn V**, sinh năm 1973

Bà **Bùi Thị Q**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(bà H có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh H trình bày:**

Do mối quan hệ quen biết nên ông N, bà T cho vợ chồng ông Trịnh Văn V, bà Bùi Thị Q vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 03/8/2014 âm lịch (nhằm ngày 27/8/2014 dương lịch) cho vay 200.000.000 đồng, theo giấy vay tiền viết tay do vợ chồng ông V, bà Q viết và kí tên, lãi suất thoả thuận 1,7%/tháng, thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày làm giấy

vay tiền 03/8/2014 (âm lịch). Trong giấy vay tiền còn thể hiện vợ chồng ông V, bà Q thế chấp cho vợ chồng ông N, bà T diện tích nhà và đất 34000m² mà vợ chồng ông V đang ở, nhưng thực tế không có việc thế chấp này. Đến ngày 09/8/2016 âm lịch (nhằm ngày 02/9/2016 dương lịch) vợ chồng ông V, bà Q đã trả cho ông N, bà T 34.000.000 đồng tiền lãi suất, nhưng chưa trả tiền gốc. Vì vậy, hai bên đã làm giấy đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi, giấy này có ông V, bà Q cùng kí tên. Cụ thể vợ chồng ông V, bà Q còn nợ lại 200.000.000 đồng tiền gốc và 64.000.000 đồng tiền lãi suất. Hẹn đến ngày 10/8/2017 âm lịch (nhằm ngày 29/9/2017 dương lịch) vợ chồng ông V phải trả hết số tiền trên. Sau đó hai bên thống nhất lãi suất giảm xuống còn 1%/tháng tính từ ngày 20/8/2016 âm lịch (nhằm ngày 20/9/2016 dương lịch) và thoả thuận từ ngày 20/8/2016 đến tháng 3/2017 trả 10.000.000 đồng, đến ngày 04/4/2017 âm lịch trả 20.000.000 đồng. Tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng ông V, bà Q vẫn chưa trả số tiền lãi suất và tiền gốc nào cho vợ chồng ông N, bà T mặc dù đã đòi nợ nhiều lần.

Nay ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q phải thanh toán nợ gốc đã vay cho ông N, bà T với số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng), tính ngày 11/8/2016 âm lịch (nhằm ngày 02/9/2016 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (22/4/2025 dương lịch).

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.***

*** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ:**

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

- Đối với yêu cầu của ông N, bà T về việc buộc ông V, bà Q trả lại số tiền gốc 200.000.000 đồng. Chứng cứ mà ông N, bà T đưa ra là giấy vay tiền và giấy đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi bản chính thể hiện nội dung ông N, bà T cho ông V, bà Q vay số tiền 200.000.000 đồng. Căn cứ vào 02 giấy vay tiền nêu trên và lời khai của nguyên đơn, có cơ sở để khẳng định có sự việc vay mượn tiền nêu trên, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ông V, bà Q đã được Tòa triệu tập đến tham gia phiên tòa, ông V, bà Q hiện vẫn sinh sống tại địa phương và biết việc ông N, bà T khởi kiện yêu cầu trả nợ nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì.

- Đối với yêu cầu của ông N, bà T về việc buộc ông V, bà Q trả lãi suất đối với số 2.00.000.000 đồng tính từ ngày 11/8/2016 âm lịch (nhằm ngày 02/9/2016 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (22/4/2025 dương lịch) theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng). Xét thấy mức lãi suất mà ông N, bà T yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/20219 ngày 11/01/219 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông N, bà T số tiền nợ gốc và lãi suất theo ông N, bà T yêu cầu.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa và sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị T khởi kiện ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi suất đối với số tiền đã vay theo giấy vay tiền và giấy đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi. Vì vậy, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với ông V, bà Q. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông V, bà Q vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về ủy quyền: ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị T có văn bản ủy quyền cho bà Hoàng Thị Thanh H. Xét việc ủy quyền trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định tại Điều 87 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện về tiền nợ gốc:

Ông N, bà T khởi kiện yêu cầu ông V, bà Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc đã vay và còn nợ lại với tổng số tiền là 200.000.000 đồng theo giấy vay tiền viết tay ngày 03/8/2014 âm lịch (nhằm ngày 27/8/2014 dương lịch) và giấy đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi ngày 09/8/2016 âm lịch (nhằm ngày 02/9/2016 dương lịch). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông N, bà T đã cung cấp chứng cứ là các giấy vay tiền như trên có chữ ký, chữ viết của ông V, bà Q. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Quá trình giải quyết vụ án ông V, bà Q đã không đến Tòa án để giải quyết vụ án và không đưa ra thời gian cụ thể và hợp lý để giải quyết khoản nợ trên với ông N, bà T. Điều này thể hiện ông V, bà Q không có thiện chí, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền. Vì vậy, toàn

bộ lời khai và các tài liệu chứng cứ do ông N, bà T cung cấp được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận làm cơ sở giải quyết vụ án.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông N, bà T đối với số tiền gốc là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông V, bà Q có nghĩa vụ trả cho ông N, bà T số tiền gốc là 200.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất:

Ông N, bà T yêu cầu ông V, bà Q trả tiền lãi suất đối với số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 11/8/2016 âm lịch (nhằm ngày 02/9/2016 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (22/4/2025 dương lịch) theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng).

Xét thấy: Do ông V, bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay nên phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Theo “giấy vay tiền” và “giấy đề nghị gia hạn nợ gốc, lãi” các bên có thỏa thuận lãi suất. Ông N, bà T yêu cầu với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,8333%/tháng) là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất này để giải quyết đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn. Số tiền lãi suất được tính cụ thể như sau: Lãi suất của số tiền 200.000.000 đồng tính từ ngày 11/8/2016 âm lịch (nhằm ngày 02/9/2016 dương lịch) đến ngày 22/4/2025 (dương lịch) là $200.000.000đ \times 0,8333\%/tháng \times 08 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 172.821.918 \text{ đồng}$ (làm tròn 172.822.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi suất buộc ông Trịnh Văn V, bà Bùi Thị Q phải trả cho ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị T là: 200.000.000 đồng + 172.822.000 đồng = 372.822.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí bị đơn phải nộp là: $372.822.000 \text{ đồng} \times 5\% = 18.641.000 \text{ đồng}$. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ về phần nội dung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị T.

Buộc ông Trịnh Văn V, bà Bùi Thị Q phải trả cho ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị T tổng số tiền: 372.822.000 đồng (ba trăm bảy mươi hai triệu tám trăm hai mươi hai ngàn đồng). Trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi suất là 172.822.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2/ Về án phí:

- Buộc ông Trịnh Văn V, bà Bùi Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 18.641.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị T số tiền 11.240.000 đồng (mười một triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 00112698 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H. Cẩm Mỹ.
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn.
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên

